

Vai trò Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh trong nhiệm kỳ Đại hội VI

LÊU THỊ KHUYỀN

Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội; Email: khuyen1702cv@gmail.com

Tóm tắt: Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh giữ vai trò quan trọng trong nhiệm kỳ Đại hội VI của Đảng, đánh dấu bước ngoặt lịch sử trong tiến trình đổi mới, phát triển của Việt Nam. Với tư duy quyết đoán, bản lĩnh chính trị vững vàng và tinh thần $\square$ nhìn thẳng vào sự thật $\square$, đồng chí đã cùng tập thể lãnh đạo đề ra nhiều chủ trương đột phá về kinh tế và mở rộng quan hệ đối ngoại, từ đó đạt được nhiều thành tựu lớn. Bên cạnh đó, Tổng Bí thư đã chủ trì, cùng ban Chấp hành thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, từ đó đưa ra mục tiêu, phương hướng và những đặc trưng cơ bản của Chủ nghĩa xã hội mà Việt Nam hướng đến. Những nội dung này đã chứng tỏ bản lĩnh, tâm huyết, sự kiên định, sáng tạo của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh trong thời kỳ đầu đổi mới.

Từ khóa: Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh; Đại hội VI; đổi mới.

Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh với tư duy quyết đoán, đổi mới mạnh mẽ, đã giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong nhiệm kỳ Đại hội VI - một giai đoạn bản lề, được đánh dấu là bước chuyển mình mạnh mẽ của đất nước. Trong suốt nhiệm kỳ của mình, với quyết tâm nhìn thẳng vào sự thật và nhạy bén trong nhận thức, đồng chí đã cùng tập thể Ban Chấp hành Trung ương đưa ra những chủ trương, đường lối đúng đắn trong chính sách đối nội và đối ngoại, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển ổn định và bền vững của đất nước trong giai đoạn mới.

1. Vai trò của Tổng Bí thư trong nhiệm kỳ Đại hội VI

Đồng chí Nguyễn Văn Linh tên thật là Nguyễn Văn Cúc (Mười Cúc), sinh ngày 1/7/1915 tại huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Sinh ra và lớn lên trong một gia đình công chức có truyền thống cách mạng, ông đã sớm đi theo cách mạng và dành trọn cuộc đời mình cho sự nghiệp của đất nước.

Tuy sinh ra tại miền Bắc, nhưng ông có đến hai phần ba cuộc đời gắn bó và sát cánh cùng đồng bào miền Nam. Xuyên suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, ông đã giữ nhiều chức vụ quan trọng như Bí thư Đặc khu uỷ Sài Gòn - Gia Định sau Cách mạng Tháng Tám, Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ năm 1957 đến 1960, Bí thư Trung ương Cục miền Nam năm 1960. Thông qua những nỗ lực của mình, đồng chí đã góp phần to lớn vào sự nghiệp giải phóng đất nước, thống nhất nước nhà.

Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, đất nước thống nhất, non sông thu về một mối, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục bước vào thời kỳ mới - xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong giai đoạn này, đồng chí Nguyễn Văn Linh được Đảng và nhân dân tin tưởng giao đảm nhiệm nhiều trọng trách quan trọng. Năm 1976, đồng chí được bầu làm Bí thư Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó lần lượt giữ các chức vụ Trưởng ban Cải tạo xã hội chủ nghĩa, Trưởng ban Dân vận Mặt trận Trung ương,... Với những nỗ lực, sự sáng tạo có hiệu quả trong công tác của mình, đồng chí đã sớm phát hiện ra những nguyên nhân gây nên tình trạng trì trệ, ách tắc trong sản xuất để từ đó nhận thức sự cần thiết của quá trình đổi mới. Bằng lý luận và thực tế chỉ đạo, đồng chí Nguyễn Văn Linh được coi là $\square$ một trong những người có công đầu trong việc tìm tòi, khai phá con đường đổi mới ở nước ta $\square$ ⁽¹⁾.

Tại Đại hội VI của Đảng (12/1986), Đảng đã thẳng thắn thừa nhận những sai lầm, khuyết điểm mắc phải, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu cần phải đổi mới trong giai đoạn tiếp theo. Cũng tại Đại hội này, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã được Đảng và nhân dân tin tưởng giao trọng trách Tổng Bí thư đầu tiên trong thời kỳ đổi mới. Đây vừa là vinh dự, vừa là trách nhiệm nặng nề khi tình hình quốc tế và trong nước giai đoạn này có những diễn biến vô cùng phức tạp.

Trong suốt nhiệm kỳ của mình, từ năm 1986 đến năm 1991, Nguyễn Văn Linh đã cùng với tập thể lãnh

đạo triển khai, thực hiện nhiều chủ trương, quyết sách đúng đắn, chèo lái con thuyền cách mạng từng bước vượt qua giai đoạn khó khăn của đất nước và thu được nhiều kết quả tích cực. Vai trò và đóng góp của Tổng Bí thư trong nhiệm kỳ đại hội VI, có thể đưa ra ba thành tựu lớn như sau:

Thứ nhất, đồng chí đã lãnh đạo triển khai công cuộc đổi mới của đất nước và đạt được nhiều kết quả lớn.

Ngay trong đại hội VI, Nguyễn Văn Linh cho rằng phải ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định để phát triển và chỉ có phát triển mới có thể ổn định. Vấn đề đặt ra trong giai đoạn này chính là đổi mới cần bắt đầu từ đâu, lựa chọn vấn đề nào làm khâu đột phá? Điều này đòi hỏi tư duy sáng tạo, góc nhìn đa chiều để đưa ra quyết định đúng đắn trong giai đoạn đất nước đang lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội ngày càng trầm trọng.

Sau những phân tích, đánh giá, đồng chí đã cùng Ban Chấp hành Trung ương đưa ra quyết định lựa chọn vấn đề phân phối, lưu thông làm mũi đột phá để tháo gỡ cho những khó khăn hiện tại, nhằm ổn định tình hình kinh tế và ổn định đời sống của nhân dân. Ngay sau đó, Đảng đã triển khai biện pháp khai thông, đẩy mạnh giao lưu hàng hoá và xoá bỏ "ngăn sông, cấm chợ" để giải quyết tình hình khan hiếm nhiều loại hàng hoá. Sau khi triển khai trong thực tế, quyết sách này đã nhanh chóng làm thay đổi tình hình và khắc phục bước đầu vấn đề phân phối, lưu thông, tình trạng khan hiếm nhiều loại hàng hoá cũng phần nào được giải quyết.

Đồng thời trong năm 1987, Luật đầu tư nước ngoài đã ra đời, được các nhà đầu tư hưởng ứng và được xem là bước ngoặt lớn trong tư duy kinh tế, tạo cơ sở pháp lý cho việc hợp tác kinh tế với nước ngoài. Sau 2 năm triển khai, đã có hàng trăm giấy phép đầu tư được cấp, với tổng số vốn đăng ký lên tới 1,8 tỷ USD. Liên quan đến vấn đề tranh luận cho phép doanh nghiệp có 100% vốn nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, đồng chí đưa ra nhận định, mở cửa thì không khí trong lành cũng vào mà ruồi muỗi cũng có thể vào, nếu sợ ruồi muỗi mà không mở cửa thì sẽ không có cả không khí trong lành. Không còn cách nào khác, chúng ta phải mở cửa nhưng cần có màn để ngăn muỗi.

Đối với thực trạng sản xuất kinh doanh, đồng chí đặc biệt nhấn mạnh vấn đề giải phóng sức sản xuất trong nông nghiệp để ngăn chặn tình trạng thiếu đói diện rộng tại nhiều nơi. Bước vào thực hiện chủ trương, trong năm 1988, dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư, Bộ Chính

trị đã thông qua Nghị quyết 10 giúp giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất cho nông dân. Chỉ trong vòng mấy năm thực hiện, Việt Nam từ chỗ phải nhập khẩu lương thực đã tự giải quyết được nhu cầu lương thực, đặc biệt trong năm 1989 đã xuất khẩu được hơn 1 triệu tấn gạo. Đây được xem là thành quả to lớn, tiền đề cho sự phát triển ổn định của đất nước trước khủng hoảng, nguy cơ sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu.

Xuyên suốt quá trình thực hiện yêu cầu đổi mới, đồng chí luôn nêu cao quan điểm "Phải nhìn thẳng vào sự thật, phải thấy rằng thiếu sót chủ quan của chúng ta là nghiêm trọng và kéo dài. Phải có tinh thần dũng cảm tự phê phán mạnh mẽ và triệt để để đổi mới"⁽²⁾. Chỉ sau mấy năm tính từ Đại hội VI của Đảng, dưới sự lãnh đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, đất nước ta đã từng bước tháo gỡ khó khăn, lựa chọn đúng vấn đề làm khâu đột phá và đưa ra định hướng về quá trình đổi mới. Đảng đã đưa ra chủ trương đổi mới toàn diện, đồng bộ, trong đó đặt trọng tâm vào vấn đề kinh tế. Đồng thời để thực hiện thành công công cuộc đổi mới, Đảng tập trung phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa trên mọi mặt trận, thực hiện phương châm "lấy dân làm gốc". Thông qua những quyết sách đúng đắn, tình hình kinh tế - xã hội đã có nhiều biến chuyển, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, tình trạng lạm phát giảm bớt và giải quyết tốt vấn đề lưu thông, có thể thấy rằng "chúng ta đã bắt đầu chuyển và quyết tâm chuyển. Và về đại thể, chúng ta đã nhìn thấy lối ra"⁽³⁾.

Thứ hai, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã có những điều chỉnh trong chính sách đối ngoại và đạt được nhiều thành tựu lớn trong giai đoạn này.

Với tinh thần "đổi mới tư duy", ngay trong Đại hội VI, Đảng đã nhấn mạnh "muốn làm bạn với tất cả các nước", cần phải chú trọng mở rộng quan hệ đối ngoại, coi trọng phát triển quan hệ với các nước và nhiều tổ chức quốc tế, nhằm tạo nên môi trường hòa bình, ổn định, thuận lợi cho công cuộc đổi mới và phát triển. Để cụ thể hoá đường lối đổi mới, Tổng Bí thư chủ trương điều chỉnh chính sách đối ngoại nhằm "giảm bớt căng thẳng với các nước trong khu vực và các nước láng giềng, nhằm tạo dựng một môi trường quốc tế hòa bình, thuận lợi cho công cuộc đổi mới"⁽⁴⁾.

Ngày 20/5/1988, Bộ Chính trị dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã ra Nghị quyết số 13/NQ-TW "Về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới", trong đó nêu lên 13 điều chỉnh

đường lối đối ngoại với ba ưu tiên hàng đầu: rút quân khỏi Campuchia, bình thường hoá quan hệ Việt - Trung và cải thiện, đi tới bình thường hoá quan hệ với Mỹ.

Nghị quyết 13 được xem là mốc khởi đầu cho quá trình đổi mới tư duy đối ngoại của Đảng, [một cuộc đổi mới mạnh mẽ tư duy trong việc đánh giá tình hình thế giới, trong việc đề ra mục tiêu và chuyển hướng toàn bộ chiến lược đối ngoại của ta⁽⁵⁾].

Để thực hiện những chủ trương đó, đồng chí Nguyễn Văn Linh trực tiếp sang Campuchia để hội đàm với lãnh đạo Campuchia về vấn đề tiếp tục rút quân tình nguyện Việt Nam khỏi Campuchia vì lực lượng của bạn đã đủ vững mạnh và có thể tự chủ quyết định trong công việc. Ngày 6/1/1989, đồng chí tuyên bố rút hết quân tình nguyện khỏi Campuchia vào tháng 9/1989. Điều này khiến cho luận điệu tuyên truyền [Việt Nam xâm lược Campuchia] của các thế lực thù địch bị vô hiệu hoá, từ đó mở đường cho việc bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc, Mỹ và hợp tác phát triển với nhiều nước trong khu vực. Những hoạt động này mang lại thành quả to lớn cho tình hình Việt Nam, được xem là [một thắng lợi ngoại giao rất quan trọng của nước ta⁽⁶⁾].

Về vấn đề quan hệ với Trung Quốc, đồng chí đã cùng Bộ Chính trị Trung ương Đảng chủ trương rút quân khỏi khu vực biên giới Việt - Trung, tiến tới khôi phục, bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc. Ngay sau đó, cuộc hội đàm cấp cao giữa hai đoàn đại biểu Việt Nam - Trung Quốc tại Thành Đô (Tứ Xuyên, Trung Quốc) với sự có mặt của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh và Tổng Bí thư Trung Quốc Giang Trạch Dân đã diễn ra. Tại cuộc gặp này, hai bên đã đạt được thoả thuận, quyết định giải quyết vấn đề Campuchia và bình thường hoá quan hệ Việt - Trung. Trước tình hình quốc tế và trong nước có nhiều biến chuyển phức tạp, đồng chí cùng với đoàn Việt Nam đưa ra những phương án đàm phán hiệu quả, thể hiện bản lĩnh quyết đoán, dám làm, dám chịu và tinh thần đổi mới, sáng tạo, từ đó mở ra chương mới trong quan hệ Việt - Trung.

Việc bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc (10/1991) và rút quân khỏi Campuchia (9/1988) đã mở ra cơ hội lớn trong quan hệ đối ngoại cho Việt Nam. Điều này giúp góp phần tăng cường hòa bình, ổn định, hợp tác trong khu vực, và là cơ sở để nhiều quốc gia khác thực hiện bình thường hóa quan hệ với Việt Nam.

Về quan hệ ngoại giao với Mỹ, Tổng Bí thư đã đưa ra chủ trương [Việt Nam luôn luôn muốn có quan hệ

tốt đối với nhân dân Mỹ, chính phủ Mỹ. Chiến tranh đã kết thúc 15 năm mà chưa có quan hệ bình thường là chậm. Việt Nam sẵn sàng giải quyết mọi trở ngại trên con đường bình thường hoá, trở ngại còn lại là ở phía Mỹ⁽⁷⁾. Việc nêu lên thiện chí thiết lập mối quan hệ với Mỹ thể hiện thái độ, tinh thần muốn hợp tác của nhân dân Việt Nam đối với nhân dân và Chính phủ Mỹ. Đây được xem là cơ sở để tiến tới việc Mỹ bỏ cấm vận, tuyên bố bình thường hóa quan hệ với Việt Nam.

Thứ ba, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã chủ trì, cùng Ban Chấp hành Trung ương thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Xuyên suốt từ những năm cuối của thập kỷ 80 đến đầu năm 1991, với vai trò Trưởng ban soạn thảo Cương lĩnh và Chiến lược, đồng chí đã tập trung vào việc thảo luận với các Ủy viên Bộ Chính trị, các chuyên gia về các nội dung như Dự thảo Báo cáo chính trị, Báo cáo về kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 1991 - 1995 và đặc biệt là nội dung Dự thảo Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội tại Việt Nam.

Việc đề ra Cương lĩnh trong thời kỳ quá độ là sự khẳng định Việt Nam tiếp tục đi theo con đường mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã lựa chọn, được xem là yếu tố cần thiết và cấp bách để xác định hướng đi trong giai đoạn tiếp theo. Bên cạnh đó, đồng chí cũng đóng vai trò quan trọng trong việc đưa tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin trở thành nền tảng tư tưởng của Đảng.

Đặc biệt, vấn đề xây dựng Cương lĩnh trong thời kỳ quá độ là dịp thời trước bối cảnh quốc tế có những biến động sâu sắc. Trong giai đoạn này, các nước Xã hội chủ nghĩa lần lượt sụp đổ, làm dấy lên nhiều nghi ngờ, quan điểm chống phá về mô hình Chủ nghĩa xã hội mà Việt Nam đang xây dựng. Vì vậy, Cương lĩnh được xây dựng nhằm xác định mục tiêu, phương hướng và những đặc trưng cơ bản của Chủ nghĩa xã hội mà Việt Nam hướng đến, qua đó định hướng cho công cuộc đổi mới, phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

Với quan điểm [đảm bảo đánh giá đúng tình hình một cách khách quan, khoa học, không thổi phồng và cũng không hạ thấp những thành tựu và thiếu sót⁽⁸⁾], Tổng Bí thư đã cùng tiểu ban soạn thảo Cương lĩnh với những nội dung ngắn gọn, nêu lên mục tiêu tổng quát, 6 đặc trưng và 7 phương hướng cơ bản về Chủ nghĩa xã hội và xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Những

vấn đề đó luôn bám sát và dựa vào thực tế khách quan để nêu lên những phương hướng, nhiệm vụ phù hợp, từ đó mang đến giá trị định hướng và chỉ đạo đối với sự nghiệp cách mạng của nước ta trong giai đoạn sau đó.

2. Đánh giá vai trò Tổng Bí thư trong nhiệm kỳ Đại hội VI

Trong bối cảnh đất nước đang đứng trước nhiều thách thức nghiêm trọng về kinh tế - xã hội, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh trong nhiệm kỳ Đại hội VI đã cùng tập thể lãnh đạo nhạy bén, chủ động, sáng tạo, khôn khéo lèo lái con thuyền cách mạng vượt qua những bước hiem nghèo của thời kỳ xảy ra những biến động to lớn trên thế giới⁽⁹⁾, cùng tập thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng lãnh đạo đưa đất nước bước sang một giai đoạn mới và đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Thứ nhất, đồng chí đã triển khai và kiên trì thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện của đất nước. Với quan điểm nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, Tổng Bí thư đã mạnh dạn chỉ ra những sai lầm trong cơ chế quản lý, tìm kiếm giải pháp để tháo gỡ nút thắt, các vấn đề còn tồn đọng, từ đó góp phần ổn định tình hình kinh tế - chính trị và tạo tiền đề cho sự phát triển sau đó.

Trên cương vị là Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1986 - 1991), đồng chí đã thể hiện rõ vai trò đầu tàu, kiên định với tinh thần đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm với mục tiêu nâng cao đời sống nhân dân. Đó là những chính sách, đường lối đổi mới trên mọi phương diện, đặc biệt là ba chương trình kinh tế lớn gồm lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Thứ hai, Tổng Bí thư đã giúp tạo dựng môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế thị trường, giải quyết vấn đề ách tắc, khan hiếm hàng hoá. Thông qua các chủ trương xây dựng, Luật đầu tư nước ngoài, Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp,... đã giúp Việt Nam từng bước khắc phục sự thiếu hụt triển miên về lương thực, có xuất khẩu, đặt nền móng cho sự tăng trưởng kinh tế và hội nhập toàn cầu.

Thứ ba, đồng chí góp phần đặt nền móng cho sự đổi mới trong chính sách đối ngoại của đất nước. Đứng trước tình hình chính trị thế giới có những diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của đất nước, đồng chí đã tích cực tổ chức, triển khai các hoạt động đối ngoại với các nước, các tổ chức quốc tế, tạo cơ sở để nước ta thoát khỏi tình trạng bao vây, cấm vận, từng bước hội nhập.

Thứ tư, Tổng Bí thư đã chủ trì và thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội - văn kiện được xem là nền tảng định hướng con đường phát triển của nước ta trong giai đoạn đổi mới. Dưới sự chỉ đạo của đồng chí, quá trình soạn thảo đã được tiến hành một cách cẩn trọng, khách quan và phù hợp với nhu cầu của đất nước trong thời kỳ mới. Cũng tại đây, đồng chí đã thể hiện bản lĩnh chính trị và tư duy lý luận sâu sắc, tinh thần sẵn sàng đổi mới tư duy và phương thức lãnh đạo để phù hợp với điều kiện thực tiễn. Nhờ đó, Cương lĩnh năm 1991 đã trở thành văn kiện mang tính cột mốc, khẳng định rõ mô hình phát triển của Việt Nam.

Trải qua gần 40 năm đổi mới, tình hình đất nước đã có những bước chuyển mình hiệu quả, những thành tựu đạt được trong công cuộc đổi mới đã và đang khẳng định sự đúng đắn, phù hợp với quy luật phát triển khách quan của lịch sử và nguyện vọng của nhân dân, trong đó có sự đóng góp vô cùng quan trọng của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh.

Với những đóng góp to lớn của mình trên cương vị Tổng Bí thư nhiệm kỳ Đại hội VI, đồng chí đã được Đảng ghi nhận công lao là người đã nêu ra và kiên trì thực hiện đổi mới có nguyên tắc - đổi mới nhưng luôn luôn giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra⁽¹⁰⁾. Thông qua những thành tựu đạt được, không chỉ khẳng định vai trò quan trọng trong giai đoạn đầy thử thách của đất nước mà còn để lại những giá trị tinh thần ý nghĩa, là tiền đề để phát triển đất nước trong giai đoạn tiếp theo./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- 1, 3, 4, 6, 8. Nguyễn Văn Linh Tiểu sử (2008), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Linh (1999) - *Hành trình cùng lịch sử*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, tr.364.
5. Nguyễn Cơ Thạch (1990), *Những chuyển biến trên thế giới và tư duy của chúng ta*, Tạp chí Quan hệ Quốc tế, số 1, tr. 9.
7. Nguyễn Văn Linh (1991): *Trả lời các nhà báo nước ngoài*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr.134.
9. Nguyễn Văn Linh (1988), *Đổi mới để tiến lên*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr.376.
10. Điều văn do đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đọc tại Lễ truy điệu đồng chí Nguyễn Văn Linh ngày 29/4/1998.